

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 60/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đ, ngày 27 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc xin ly hôn giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1973

Nơi ĐKKHKT: Tổ 19 thị trấn Đ, huyện Đ1, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 49 thị trấn Đ, huyện Đ1, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Phú T1**, sinh năm 1972

Nơi ĐKKHKT: Tổ 19 thị trấn Đ, huyện Đ1, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 49 thị trấn Đ, huyện Đ1, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm. thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/01/2022.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/01/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự T tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Anh Đông và anh Đặng Đình Cường.

2/ Công nhận sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

Con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Nhất L, sinh ngày 03/4/1999 và Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 31/10/2009. Khi ly hôn, cháu Nhất L đã thành niên nên Tòa án không giải quyết, giao cháu Bảo L1 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 do chị T không yêu cầu.

Anh T1 có quyền thăm non com chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ngày 05/01/2022 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0046128. Trả lại cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ1;
- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đ1;
- UBND thị trấn Đ
- ĐKKH số 122 quyền số 01 ngày 28/11/1997;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Văn Khánh

